TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY XUYÊN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21/02/2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYÊN,TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Sơn Hải;

2. Bà Hứa Thị Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên toà: Ông Lê Kim Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Khối phố X, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Ông Trần Phước C, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khối phố X, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 05/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Phước C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N vào năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung sinh được 02 con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2013, vợ chồng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên. Năm 2017, bà và ông C về sống chung để lo cho các con và đăng ký kết hôn lại tại UBND thị trấn N vào ngày 26/9/2017. Tuy nhiên, sau khi kết hôn lại ông C vẫn không thay đổi mà thường xuyên kiếm cớ gây sự, chửi bới, đánh đập bà B rất nhiều lần, bà B bị thương tích phải nhập viện điều trị. Không chịu được bà B phải

bỏ nhà đi thuê nhà trọ để ở và hiện nay về nhà cha mẹ tại thôn N, xã Đ, thị xã Đ sinh sống. Đến nay bà B nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể cung sống được. Vì vậy, bà B làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Trần Phước C.

* Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Phước M, sinh ngày 25/02/2002 và Trần Thị Kim N, sinh ngày 15/8/2004. Các con đã đủ 18 tuổi, đủ khả năng lao động nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

* Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Phước C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập cũng như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C nhưng ông C không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa không có lý do. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của ông Trần Phước C.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án; bị đơn ông Trần Phước C không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị B được ly hôn ông Trần Phước C.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm:

- 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn;
- 02 bản sao giấy khai sinh của các con;
- 01 bản sao sổ hộ khẩu;
- 01 bản chính đơn xin xác nhận;
- Biên bản xác minh của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là: "Ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn ông Trần Phước C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Trần Phước C kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại UBND thị trấn N vào năm 2017, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Do có mâu thuẫn và không tiếp tục chung sống được, bà Nguyễn Thị B yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Phước C. Theo lời trình bày của bà B và qua xác minh tại địa phương thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do ông Trần Phước C thường xuyên uống rượu về kiếm cớ gây gỗ, chửi bới xúc phạm và đánh đập bà B nhiều lần gây thương tích. Bà B và ông C đã không còn chung sống với nhau từ giữa năm 2022 đến nay. Năm 2013, bà B và ông C đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 65/2013/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên; năm 2017 bà B và ông C về chung sống và đăng ký kết hôn lại. Tuy nhiên, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân vẫn không thay đổi, tiếp tục diễn ra. Quá trình tố tụng, ông C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến phản hồi, không thể hiện mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, cho bà Nguyễn Thị B được ly hôn của ông Trần Phước C.

- Con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Bà B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Trần Phước C.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002228 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/02/2023). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Duy Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Duy Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Văn Sinh